

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 17-12-2020
V/v Tranh chấp về
chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị C, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây N; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn B, sinh năm 1976; cư trú tại: Nhà số 40, đường Trần Đại Nghĩa, tổ 4, khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây N; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Vũ Văn B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị C trình bày:

Chị và anh B chung sống từ năm 1997 đến năm 2017 thì ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân C. Quá trình sống chung vợ chồng tạo được tài sản là phần đất diện tích 264,4 m² thửa đất số 145, tờ bản đồ 29 có nhà cấp 4, nhà vệ sinh, hàng rào trên đất. Nhà, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây N hiện anh B đang quản lý, chị yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Riêng sạp bán quần áo ở chợ Tân C hiện nay không còn do khi xây chợ thu hồi, không có đền bù, sạp này chị thuê nhưng không có làm hợp đồng.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Vũ Văn B trình bày: Thừa nhận thời gian chung sống và vợ chồng đã ly hôn năm 2017 như chị C trình bày. Quá trình sống chung vợ chồng tạo được nhiều tài sản, nhưng sau đó có một số tài sản đã chia, đã chuyển nhượng. Năm 2017 vợ chồng ly hôn, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh và chị C thỏa thuận miệng anh sử dụng nhà đất để nuôi con; chị C sử dụng sạp bán quần áo ở chợ Tân C để buôn bán. Nay chị C kiện yêu cầu chia nhà và đất thì thiệt thòi cho anh, yêu cầu được tiếp tục sử dụng nhà và đất, anh sẽ thanh toán cho chị C số tiền 125.000.000 đồng. Không đồng ý chia theo giá Công ty thẩm định giá đã định vì định giá cao hơn thực tế.

Nợ chung: Không có.

Phần đất diện tích 264,4 m² thửa số 145 đo đạc thực tế là 260,8 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS02405 do anh B và chị C đứng tên; Công ty thẩm định giá đất, nhà ở, nhà vệ sinh, hàng rào trên đất (hàng rào phía trước nhà) có tổng giá trị là 1.032.703.753 đồng.

Đất có tứ cận: Hướng đông giáp đường Trần Đại Nghĩa; hướng tây giáp đất bà Đặng Thị Dung; hướng nam giáp đất ông Hoàng Đình Tiến, hướng bắc giáp đất ông Lưu Như Thắng.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh B và chị C thống nhất đất, nhà ở, nhà vệ sinh, hàng rào trên đất tổng trị giá là 750.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 04-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây N đã quyết định:

Căn cứ các điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Vũ Thị C đối với anh Vũ Văn B.

Chia cho anh Vũ Văn B được quản lý sở hữu, sử dụng các tài sản anh đang giữ gồm:

+ 01 phần đất diện tích 264,4 m², thửa đất số 145, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế là 260,8 m²), có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02405 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây N cấp ngày 29/10/2018, anh B và chị C đứng tên, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây N.

+ Căn nhà ở diện tích 85 m², nhà vệ sinh diện tích 3,5 m² và hàng rào phía trước nhà được xây cất trên thửa đất số 145, tờ bản đồ số 29.

Anh B phải thanh toán lại cho chị C số tiền 300.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí đo đạc, thẩm định giá; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020 anh Vũ Văn B có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đơn khởi kiện của chị C ngày 18/11/2019 gửi Tòa án nhân dân huyện Tân C; Công ty TNHH Trắc địa bản đồ Miền Nam đo đạc là không đúng, không khách quan; yêu cầu thẩm định lại một sạp bán quần áo ở chợ Tân C thời điểm năm 2017 trị giá khoảng 600.000.000 đồng.

Qua làm việc với anh Vũ Văn B vào ngày 11/11/2020 anh B thay đổi yêu cầu kháng cáo, xác định lại chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền chia tài sản chung anh phải giao lại chị C theo bản án sơ thẩm 300.000.000 đồng là cao, chỉ đồng ý giao chị C số tiền 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền chia tài sản anh phải giao lại chị C 300.000.000 đồng là cao, chỉ đồng ý giao chị C số tiền 125.000.000 đồng vì căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 18/11/2019 của chị C có ghi tài sản chung nhà và đất trị giá là 250.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi. Chị C không đồng ý với kháng cáo của anh B, đồng ý như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa hôm nay chị C và anh B xác định hàng rào trước nhà nay đã bị hư nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn B.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 04-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; lời trình bày tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn B yêu cầu xem xét lại số tiền chia tài sản chung anh phải giao lại chị C 300.000.000 đồng là cao, chỉ đồng ý giao 125.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị C và anh B thống nhất phần đất thửa số 145 đo thực tế có diện tích 260,8 m² trên đất có nhà của vợ chồng; nguồn gốc đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng, nhà do vợ chồng xây cất.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị C và anh B cho rằng Công ty thẩm định giá định giá tài sản là cao, thống nhất lại đất, nhà và tài sản trên đất có tổng giá trị là 750.000.000 đồng. Anh B căn cứ vào đơn khởi kiện của chị C có ghi tài sản nhà và đất trị giá khoảng 250.000.000 đồng nên chỉ đồng ý giao chị C số tiền 125.000.000 đồng là không phù hợp, bởi lẽ khi khởi kiện nguyên đơn chưa biết tài sản yêu cầu chia có giá trị là bao nhiêu tiền nên ước lượng ghi trong đơn, khi giải quyết vụ án nếu hai bên không thỏa thuận được giá trị tài sản chung thì phải tiến hành định giá tài sản. Nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng, về nguyên tắc tài sản chung chia đôi nhưng có xem có xem xét các yếu tố hoàn cảnh của gia đình, công sức đóng góp của vợ, chồng. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh B sở hữu, sử dụng nhà và đất anh B giao chị C số tiền 300.000.000 đồng, chia theo tỷ lệ anh B hưởng 6/10, chị C hưởng 4/10 là phù hợp. Anh B kháng cáo chỉ đồng ý giao chị C 125.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân huyện Tân C, tỉnh Tây N.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn B kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn B.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 04-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây N.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Vũ Thị C đối với anh Vũ Văn B.

Chia cho anh Vũ Văn B được sở hữu, sử dụng các tài sản anh đang giữ gồm:

+ 01 phần đất diện tích 264,4 m², thửa đất số 145, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế là 260,8 m²), có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS02405 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây N cấp ngày 29/10/2018, anh Vũ Văn B và chị Vũ Thị C đứng tên, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây N có tứ cận:

Hướng đông giáp đường Trần Đại Nghĩa; hướng tây giáp đất bà Đặng Thị Dung; hướng nam giáp đất ông Hoàng Đình Tiến, hướng bắc giáp đất ông Lưu Như Thắng (có sơ đồ kèm theo).

+ 01 căn nhà ở diện tích 85 m², xây dựng năm 2008-2009 tường xây gạch, sơn nước; cửa chính, cửa sổ: Khung gỗ, cửa gỗ, gắn kính; mái lợp lợp; trần tole lạnh, nền gạch men.

+ 01 nhà vệ sinh diện tích 3,5 m² xây dựng 2008-2009 có móng, cột xây gạch; tường xây gạch, sơn nước ốp lát gạch men cao trung B khoảng 1,4 m; cửa chính, cửa sổ: Khung gỗ, gắn tole; nền gạch men.

Anh Vũ Văn B phải thanh toán cho chị Vũ Thị C số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Vũ Thị C cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Vũ Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm : Chị Vũ Thị C phải chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.125.000 (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số: 0000034 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây N. Chị C phải nộp thêm số tiền 11.875.000 (mười một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Vũ Văn B phải chịu 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Vũ Văn B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh B đã nộp theo biên lai thu số: 0001110 ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây N.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản: Chị Vũ Thị C phải chịu 6.280.000 (sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng; anh Vũ Văn B phải chịu

9.420.000 (chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng. Do chị C đã nộp tiền tạm ứng và chi phí xong nên anh B có nghĩa vụ hoàn trả cho chị C 9.420.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND huyện Tân C;
- CCTHADS huyện Tân C ;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyền